

THÔNG BÁO NỘI BỘ
BẢN TIN SINH HOẠT CHI BỘ THÁNG 05 NĂM 2022

THÔNG TIN TRONG NƯỚC

I. KHẨN TRƯỞNG NGHIÊN CỨU BAN HÀNH CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng xác định: Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; là một trong những định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021 - 2030 và nghiên cứu, ban hành Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

Đây là quan điểm nhất quán của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, được khẳng định trong Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam), Hiến pháp năm 1946 và thực tiễn cách mạng Việt Nam trong những năm qua. Nhận thức sâu sắc về quy luật vận động, phát triển của nhà nước hiện đại, kế thừa, vận dụng những giá trị phổ quát, tiến bộ của nhà nước pháp quyền, Đảng ta chủ trương xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Điều đó thể hiện rõ trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991), Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) và văn kiện của Đảng qua các kỳ đại hội. Quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đã kế thừa, phát triển những giá trị phổ quát, văn minh của nhà nước pháp quyền phù hợp với đặc thù Việt Nam; từng bước hiện thực hóa, khẳng định tính đúng đắn về chủ trương, quan điểm của Đảng về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Đại hội XIII của Đảng khẳng định: Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có nhiều tiến bộ, tổ chức bộ máy nhà nước tiếp tục

được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn; bảo đảm thực hiện đồng bộ các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

Tuy nhiên, có thể nhận thức rằng, lý luận và thực tiễn về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam vẫn còn nhiều vấn đề cần phải được làm rõ, tiếp tục giải quyết để làm cơ sở quan trọng, vững chắc trong việc vận dụng vào cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Để triển khai chủ trương của Đại hội XIII, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII giao cho Ban Nội chính Trung ương chủ trì tham mưu Bộ Chính trị, Ban Bí thư xây dựng Đề án trình Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII ban hành Nghị quyết về “Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045”. Ban Chỉ đạo xây dựng Đề án do đồng chí Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước làm Trưởng ban; đồng chí Phan Đình Trạc, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương làm Phó Trưởng ban thường trực Ban Chỉ đạo Đề án.

Đề án Chiến lược xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam đến năm 2030, định hướng đến năm 2045 có tầm quan trọng đặc biệt. Đây là thời cơ rất thuận lợi, với những điều kiện chín muồi để tạo được bước tiến mới, đột phá trong đổi mới hệ thống chính trị, đáp ứng yêu cầu phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế. Vì vậy, việc hoàn chỉnh Đề án đề trình, tiếp thu ý kiến của Bộ Chính trị và hoàn thiện để trình Ban Chấp hành Trung ương đang được tiến hành một cách khẩn trương, nghiêm túc, khoa học nhằm quyết tâm xây dựng thành công Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, hướng tới một nền dân chủ, công bằng, công lý, hiện đại, nhân văn, mang lại ấm no, hạnh phúc cho Nhân dân, nâng cao tiềm lực, vị thế và uy tín của đất nước, sớm đưa đất nước sánh vai với các cường quốc năm châu như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, xứng đáng với truyền thống lịch sử hào hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng.

II. NHỮNG KẾT QUẢ NỔI BẬT VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI NƯỚC TA QUÝ I NĂM 2022

Kinh tế - xã hội nước ta quý I năm 2022 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới tiếp tục duy trì đà hồi phục, các hoạt động sản xuất được đẩy mạnh, chuỗi cung ứng toàn cầu bắt đầu được khơi thông. Tuy nhiên, xung đột giữa Nga và

U-crai-na đã tạo ra một cuộc khủng hoảng nhân đạo lớn ảnh hưởng nặng nề đến tăng trưởng toàn cầu.

Trong nước, Chính phủ ban hành Nghị quyết 11/NQ-CP về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ chương trình phục hồi kinh tế. Các bộ, ngành, địa phương đã tập trung xây dựng kế hoạch hành động để thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chương trình. Cùng với đó, sự ủng hộ của Nhân dân cả nước và niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của Chính phủ đã phát huy hiệu quả, tạo động lực khôi phục và phát triển kinh tế nhanh và bền vững. Kinh tế - xã hội nước ta quý I năm 2022 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, hầu hết các ngành, lĩnh vực có xu hướng phục hồi và tăng trưởng trở lại.

1. Một số kết quả chủ yếu

Công tác phòng, chống dịch Covid-19 của nước ta tiếp tục được triển khai quyết liệt và đồng bộ, chuyển sang trạng thái “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19”, vừa phòng, chống dịch, vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội. Chiến dịch tiêm vaccine phòng Covid-19 của Việt Nam tiếp tục được triển khai an toàn và đạt hiệu quả cao trên cả nước, đến ngày 22/3/2022, cả nước đã có trên 82% dân số được tiêm ít nhất 1 liều vaccine Covid-19.

Tăng trưởng kinh tế có những dấu hiệu tích cực. GDP quý I ước tăng 5,03% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn so với tốc độ tăng 4,72% của quý I/2021¹. Vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội trong quý I năm 2022 tăng trưởng tích cực, trong đó vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam đạt mức cao nhất so với quý I của các năm 2018 - 2022, đây là động lực quan trọng đóng góp cho tăng trưởng kinh tế năm 2022. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa quý I ước đạt 176,35 tỷ USD, tăng 14,4% so với cùng kỳ năm 2021². Các hoạt động tiêu dùng đang dần lấy lại đà tăng trưởng nhờ các biện pháp phòng, chống dịch linh hoạt. Từ

¹ Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,45%, khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 6,38% và khu vực dịch vụ tăng 4,58%. Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết thuận lợi. Sản xuất công nghiệp tiếp tục phục hồi, với chỉ số IIP quý I ước tăng 6,4% so với cùng kỳ năm trước. Hoạt động bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiếp tục diễn biến khả quan. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2022 ước đạt 1.318 nghìn tỷ đồng, tăng 4,4% so với cùng kỳ năm trước.

² Trong đó, kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa tương ứng đạt 88,58 tỷ USD và 87,77 tỷ USD. Cán cân thương mại hàng hóa xuất siêu 0,81 tỷ USD. Đối với xuất khẩu, các mặt hàng đóng góp lớn vào kim ngạch xuất khẩu quý I là điện thoại và linh kiện (16,1%); điện tử, máy tính và linh kiện (14,7%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (11,2%), dệt may (10%) giày dép (6%)... Đối với nhập khẩu, các mặt hàng đóng góp lớn vào kim ngạch nhập khẩu là điện tử, máy tính và linh kiện (24,8%); máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác (12%), điện thoại và linh kiện (6,3%)... Về thị trường xuất nhập khẩu, Mỹ và Trung Quốc vẫn là hai thị trường xuất nhập khẩu lớn có tốc độ tăng trưởng mạnh của Việt Nam.

ngày 15/3/2022, các hoạt động kinh doanh, du lịch... của người dân chính thức trở lại bình thường.

Chính sách thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 giúp cho thị trường lao động quý I năm 2022 có nhiều tín hiệu khởi sắc. Lực lượng lao động, số người có việc làm và thu nhập bình quân tháng của người lao động tăng so với quý trước và so với cùng kỳ năm trước. Tỷ lệ thất nghiệp và tỷ lệ thiếu việc làm trong độ tuổi lao động đều giảm so với quý trước, tuy vẫn cao hơn so với cùng kỳ năm trước nhưng mức độ giảm dần. Đời sống dân cư và công tác an sinh xã hội được chính quyền các cấp quan tâm thực hiện; chương trình xây dựng nông thôn mới trong những năm qua có tác động tích cực, góp phần nâng cao đời sống người dân phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội khu vực nông thôn.

2. Hạn chế, tồn tại

Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, thu ngân sách còn gặp nhiều khó khăn, lạm phát trong nước tăng cao tác động đến Chương trình hồi phục kinh tế trong nước thời gian tới. Giải ngân đầu tư công còn chậm. Một số chương trình phục hồi kinh tế - xã hội chưa được triển khai kịp thời theo tiến độ đề ra. Thị trường chứng khoán, bất động sản còn tiềm ẩn rủi ro. Đời sống một bộ phận người dân vùng sâu, vùng xa còn khó khăn. Việc tiêm vaccine phòng Covid-19 mũi thứ 3 dù rất nỗ lực nhưng chưa đạt tiến độ mong muốn; cần sớm triển khai tiêm vaccine cho trẻ em từ 05 - 11 tuổi. Tình hình xung đột Nga - Ukraine đẩy giá dầu thế giới tăng mạnh khiến giá nhóm giao thông trong nước quý I/2022 tăng đến 16,09% so với cùng kỳ năm 2021, tác động đẩy giá các hàng hóa cơ bản trong nước tăng lên...

3. Nhiệm vụ, giải pháp trong thời gian tới

Thứ nhất, thực hiện nghiêm túc, quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo phương châm "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19" là điều kiện tiên quyết, mang tính cốt lõi để khôi phục kinh tế và giảm thiểu tổn thất do đại dịch gây ra. Chủ động hướng dẫn, xây dựng phương án tổ chức sản xuất, kinh doanh an toàn, thích ứng với diễn biến dịch bệnh phù hợp điều kiện thực tế của địa phương, doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp tại các khu công nghiệp.

Thứ hai, đẩy mạnh công tác xúc tiến thương mại, kết nối giao thương để liên kết, tiêu thụ hàng hóa trong và ngoài nước. Tăng cầu trong nước thông qua các giải pháp kích thích tiêu dùng nội địa³.

Thứ ba, tiếp tục thúc đẩy việc triển khai các dự án đầu tư công. Đề cao kỷ luật, kỷ cương đầu tư công, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm, cản trở làm chậm tiến độ giao vốn, giải ngân vốn.

Thứ tư, tiếp tục thực hiện các chính sách tiền tệ để hỗ trợ doanh nghiệp. Giám sát chặt chẽ, kịp thời, đầy đủ, chính xác diễn biến nợ xấu trong nền kinh tế để có phương án xử lý thích hợp. Các lĩnh vực tiềm ẩn nhiều rủi ro, hoặc không giúp phục hồi trực tiếp sản xuất kinh doanh cần được kiểm soát. Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng chính sách cần tiếp tục chính sách cho vay hỗ trợ trả lương phục hồi sản xuất theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg, ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quyết định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trong bối cảnh dịch bệnh vẫn không hoàn toàn được kiểm soát.

III. MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI NÔNG SẢN VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Kể từ sau khi thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa ASEAN và Trung Quốc (ACFTA), Trung Quốc vẫn là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản (NLTS) lớn và quan trọng nhất của Việt Nam. Từ 2010 - 2020, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông thủy sản Việt Nam - Trung Quốc tăng liên tục. Năm 2010, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu nông thủy sản 2 nước là 2,67 tỷ USD, đến năm 2020 đạt 11,4 tỷ USD, tăng khoảng 4,27 lần so với năm 2010. Năm 2020, tỷ trọng kim ngạch xuất nhập khẩu nông thủy sản chiếm 23,3% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Trung Quốc, chiếm 25,14% trong tổng giá trị xuất khẩu nông, lâm, thủy sản Việt Nam với thế giới.

Về xuất khẩu, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu nông, lâm, thủy sản lớn nhất của Việt Nam. Kim ngạch xuất khẩu NLTS của Việt Nam sang Trung Quốc tăng nhanh và ổn định, năm 2010 đạt 2,46 tỷ USD, năm 2020 đạt 8,38 tỷ USD, tăng 3,4%, tốc độ tăng giá trị xuất khẩu từ 2010 - 2020 đạt bình quân 18,82%/năm.

³ Như: khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chương trình khuyến mại, tăng cường tổ chức các triển lãm hàng tiêu dùng, kiểm soát tốt thị trường tiêu dùng, đảm bảo chất lượng hàng hóa và ổn định giá cả. Tận dụng các cơ hội thị trường quốc tế thông qua thúc đẩy xuất khẩu đến các thị trường có sự hồi phục kinh tế nhanh, như: Trung Quốc, Mỹ, Hàn Quốc... đồng thời đa dạng thị trường xuất nhập khẩu, tận dụng các cơ hội từ các Hiệp định thương mại tự do.

Cán cân thương mại xuất nhập khẩu sản phẩm NLTS Việt Nam sang Trung Quốc luôn duy trì xuất siêu, năm 2020 xuất siêu là 5,36 tỷ USD.

Từ đầu năm 2020 đến nay, do tác động của đại dịch Covid-19, hàng hóa qua biên giới gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Hai bên đã khẩn trương phối hợp xử lý, thông quan tại một số cặp chợ biên giới, bao gồm: Đông Hưng (Móng Cái, Quảng Ninh), Long Bang (Trà Lĩnh, Cao Bằng), Thủy Khẩu (Tà Lùng, Cao Bằng) và Ái Diễm (Chi Ma, Lạng Sơn). Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã đề nghị Tổng cục Hải quan Trung Quốc xem xét thống nhất các biện pháp tăng cường kiểm soát hàng hóa nông sản xuất nhập khẩu qua cửa khẩu, lối mở chuyên dụng để tăng hiệu suất thông quan xuất nhập khẩu hàng hóa nông sản, thúc đẩy giao thương hàng hóa nông sản hai bên, tạo thuận lợi thúc đẩy xuất khẩu nông sản.

Về nhập khẩu, Việt Nam nhập khẩu hàng nông sản từ Trung Quốc chủ yếu là hàng rau quả. Kim ngạch nhập khẩu tăng đều qua các năm, trung bình khoảng 29,7%/năm; năm 2018 nhập 428,6 triệu USD, tăng 45,5% so với năm 2017; năm 2019 nhập khẩu 455,4 triệu USD, tăng 6,2% so với năm 2018 và chiếm 25,6% tổng kim ngạch nhập khẩu rau quả của cả nước.

Tuy nhiên, hoạt động thương mại nông sản Việt Nam - Trung Quốc hiện còn có một số vấn đề cần lưu ý: Trước năm 2018, hình thức xuất tiểu ngạch thủ tục đơn giản, ít chịu các biện pháp kiểm dịch khắt khe, không bị áp thuế nhập khẩu mà chỉ chịu các loại phí biên mậu, nên chi phí thấp, tuy nhiên, hình thức xuất tiểu ngạch gặp nhiều rủi ro, chất lượng hàng hóa nông sản khó kiểm soát, năng lực cạnh tranh thấp. Từ cuối năm 2018 đến nay, Trung Quốc đẩy mạnh công tác kiểm nghiệm, kiểm dịch và quản lý chất lượng hàng nông sản, tăng cường quản lý chất lượng hàng hóa nhập khẩu và hoạt động trao đổi cư dân biên giới; ban hành nhiều chính sách mới; siết chặt công tác quản lý đối với hoạt động thương mại biên giới, đặc biệt là nhập khẩu theo hình thức trao đổi hàng hóa - cư dân biên giới.

Bên cạnh đó, vấn đề mở cửa thị trường Trung Quốc cho một số mặt hàng xuất khẩu có tiềm năng, thế mạnh của Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế do phụ thuộc vào các quy định và sự hợp tác của phía Trung Quốc. Việc triển khai các thủ tục để mở cửa thị trường cho 07 loại trái cây Việt Nam theo thứ tự ưu tiên gồm: sầu riêng, chanh leo, bơ, bưởi, dứa, na, roi và một số sản phẩm khác như khoai lang, tổ yến và thạch đen... tiến độ thực hiện còn chậm và nhiều vướng mắc. Doanh nghiệp Trung Quốc thường có quy mô rất lớn và thường nắm các kênh phân phối chính, nên doanh nghiệp của Việt Nam khi thâm nhập thị trường Trung Quốc

gặp nhiều khó khăn. Công tác đăng ký doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hóa nông sản vào Trung Quốc diễn ra chậm, kéo dài...

Trong bối cảnh thương mại, đầu tư quốc tế và khu vực có nhiều biến động, diễn biến dịch Covid-19 hết sức phức tạp, để tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động thương mại nông sản giữa Việt Nam - Trung Quốc, cần chú trọng một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, tổ chức sản xuất hàng hóa nông sản theo chuỗi giá trị, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng. Tăng cường các biện pháp quản lý hoạt động thu mua nông sản, nguyên liệu đảm bảo quy cách, tiêu chuẩn, chất lượng xuất khẩu.

Thứ hai, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hành lang pháp lý theo hướng xuất khẩu chính ngạch. Phát huy tối đa các cơ chế hợp tác song phương giữa hai nước. Tiếp tục đẩy mạnh xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường xuất khẩu sang các thị trường khác như Canada, ASEAN, Trung Đông, châu Phi để tránh phụ thuộc vào một số ít thị trường, hạn chế rủi ro khi có biến động lớn.

Thứ ba, tăng cường tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại có hiệu quả tại thị trường Trung Quốc. Khuyến khích và có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia các diễn đàn, hội trợ xúc tiến thương mại nông sản do Trung Quốc tổ chức; xây dựng thương hiệu, đăng ký bảo hộ, thay đổi mẫu mã, bao bì sản phẩm dành riêng cho thị trường Trung Quốc.

Thứ tư, hỗ trợ thông tin kết hợp với bồi dưỡng đào tạo kỹ năng, nghiệp vụ nhằm khuyến khích các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các hộ kinh doanh cá thể nhỏ lẻ thay đổi thói quen giao dịch, hướng tới sử dụng các hình thức giao dịch theo thông lệ thương mại quốc tế.

IV. MỘT SỐ KẾT QUẢ CHỦ YẾU SAU 01 NĂM THỰC HIỆN HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - VƯƠNG QUỐC ANH (UKVFTA)

Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Vương quốc Anh (UKVFTA) hoàn tất đàm phán vào ngày 11/12/2020 và ký kết vào ngày 29/12/2020. Hiệp định được đàm phán dựa trên nguyên tắc kế thừa các cam kết đã có trong Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh châu Âu (EVFTA) với những điều chỉnh cần thiết để đảm bảo phù hợp với khuôn khổ thương mại song phương của Việt Nam và Vương quốc Anh. Hiệp định có hiệu lực tạm thời từ 31/12/2020 và chính thức có hiệu lực từ 01/5/2021.

Sau 01 năm thực thi Hiệp định, kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Anh đạt 5,77 tỷ USD, tính đến hết ngày 31/12/2021, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước. Về cán cân thương mại, hiện Anh là đối tác thương mại lớn thứ 3 tại châu Âu của Việt Nam, là thị trường xuất khẩu lớn thứ 9 của Việt Nam. Đặc biệt, mức thặng dư thương mại của Việt Nam với Anh liên tục tăng trong giai đoạn 2010 - 2020 từ mức 1,1 tỷ USD năm 2010 lên 4,3 tỷ USD năm 2020. Trong năm 2021, mức thặng dư thương mại giữa Việt Nam và Anh tăng lên mức kỷ lục đạt 5,08 tỷ USD do xuất khẩu của Việt Nam sang Anh tăng mạnh trong khi nhập khẩu từ Việt Nam sang Anh lại sụt giảm.

Xét cơ cấu hàng hoá xuất khẩu, các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang thị trường Anh bao gồm: điện thoại và linh kiện, hàng dệt may, da giày, thủy sản, nông sản qua chế biến, đồ gỗ và sản phẩm gỗ, sản phẩm từ chất dẻo... Nhìn chung, trong những năm gần đây, cơ cấu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam sang Anh không thay đổi nhiều. Tuy nhiên, sau khi UKVFTA có hiệu lực, các cam kết về cắt giảm thuế quan và rào cản phi thuế quan, một số mặt hàng thế mạnh của Việt Nam như rau quả, dệt may, nguyên liệu và sản phẩm gỗ, giày dép, rau quả... sẽ trở thành những mặt hàng tiềm năng. Có thể thấy, sau một năm thực hiện UKVFTA, kim ngạch xuất khẩu mặt hàng sắt thép tăng đột biến từ 35,9 triệu USD năm 2020 lên 491,3 triệu USD năm 2021, kim ngạch xuất khẩu rau củ quả tăng gần gấp đôi từ 11,6 triệu USD năm 2020 lên 19,4 triệu USD năm 2021.

Sau 01 năm UKVFTA có hiệu lực, tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ thị trường UK đạt 687 triệu USD, giảm 19,7% so với cùng kỳ năm trước. Các mặt hàng nhập khẩu chủ yếu là dược phẩm, phế liệu sắt thép, nguyên phụ liệu dệt, may, da giày, máy móc, thiết bị phụ tùng, ô tô nguyên chiếc, máy vi tính, sản phẩm điện tử, sản phẩm hoá chất.

Bên cạnh các cơ hội thúc đẩy xuất khẩu, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh cũng như mở rộng nguồn cung hàng hóa, UKVFTA cũng đặt ra nhiều thách thức đối với xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam, cụ thể là:

Thứ nhất, các yêu cầu về quy tắc xuất xứ là một thách thức đối với Việt Nam. Mặc dù UKVFTA tạo thuận lợi trong việc mở rộng nguồn cung trong các quy tắc xuất xứ, nguồn nguyên liệu đầu vào cho hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu của Việt Nam là từ Trung Quốc, Hàn Quốc hoặc các nước ASEAN, nên có thể coi đây là một thách thức lớn của doanh nghiệp Việt Nam khi muốn mở rộng các mặt hàng xuất khẩu sang Anh.

Thứ hai, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu từ phía Anh là rất cao, đặc biệt là với nông sản. Dù UKVFTA kế thừa những ưu đãi với các quy định SPS linh hoạt trong EVFTA, đa số ngành hàng nông sản của Việt Nam như chè, rau quả, vẫn còn nhiều hạn chế do thiếu tính đồng nhất trong từng lô hàng, công tác thu hoạch, bảo quản chưa tốt, một số sản phẩm vẫn còn tồn tại dư lượng thuốc kháng sinh hoặc thuốc bảo vệ thực vật, chưa đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật.

Thứ ba, các biện pháp phòng vệ thương mại cũng là một thách thức không nhỏ đối với hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam khi muốn thâm nhập vào thị trường Anh. Trong thương mại quốc tế, khi rào cản thuế quan không còn là công cụ hữu hiệu để bảo vệ nữa, thị trường nhập khẩu có xu hướng sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại như chống bán phá giá, chống trợ cấp hay tự vệ để bảo vệ ngành sản xuất nội địa.

Để thúc đẩy thực thi hiệu quả Hiệp định UKVFTA trong thời gian tới, các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

(1) Tăng cường phối hợp giữa Bộ Công thương và các đầu mối trong việc xây dựng và triển khai các hoạt động tuyên truyền, đảm bảo thiết thực, hiệu quả, tránh trùng lặp, lãng phí.

(2) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện, ban hành, sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản pháp luật cho phù hợp với các cam kết đã có trong Hiệp định; Về phía địa phương, cần phối hợp chặt chẽ với Bộ Công thương, các bộ, ngành, Hiệp hội có liên quan để tăng cường việc định hướng các doanh nghiệp chủ động mở rộng thị trường xuất nhập khẩu, tăng cường tận dụng cơ hội từ thị trường Anh.

(3) Tăng cường kiện toàn, nâng cao năng lực cho bộ phận phụ trách về hội nhập kinh tế quốc tế nói chung và thực hiện Hiệp định UKVFTA nói riêng. Đồng thời chú trọng các biện pháp cải cách thủ tục hành chính, tăng cường các biện pháp hỗ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các ngành hàng và doanh nghiệp, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc về mặt chính sách.

(4) Các doanh nghiệp cần nêu cao ý thức chủ động về mọi mặt, trong đó có việc chủ động tìm hiểu các cam kết của Hiệp định, chủ động chuẩn bị năng lực, nguồn hàng, nâng cao sức cạnh tranh, chủ động hợp tác, liên kết để tạo chuỗi cung ứng, thúc đẩy sản xuất, từ đó hoàn thiện chuỗi giá trị từ sản xuất, canh tác, chế biến, phân phối.

(5) Nâng cao trách nhiệm xã hội của mình, chú trọng trong việc thực hiện các quy định về phát triển bền vững của Hiệp định như các tiêu chuẩn về lao động, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học... Bên cạnh đó, cần chủ động và chuẩn bị đối phó với các vụ kiện phòng vệ thương mại thông qua việc theo dõi tình hình thị trường, giá cả, điều kiện giao thương.

V. NHIỆM VỤ PHÒNG, CHỐNG AIDS, MA TÚY, MẠI DÂM NĂM 2022

Năm 2021, công tác phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm ở Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Việc xét nghiệm HIV tiếp tục được mở rộng và đa dạng hóa. Việc cung cấp sinh phẩm tự xét nghiệm qua hệ thống nhà thuốc đã được triển khai tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Chất lượng điều trị HIV/AIDS tiếp tục được duy trì ở mức cao hàng đầu thế giới. Nhiều biện pháp đã được triển khai để đa dạng hình thức cấp thuốc ARV cho người bệnh trong bối cảnh Covid-19, trong đó có mở rộng cấp thuốc nhiều tháng, cấp thuốc qua nhân viên y tế, nhân viên tình nguyện hoặc đơn vị vận chuyển cho các bệnh nhân bị cách ly hoặc trong khu vực bị phong tỏa do Covid-19...

Hệ thống pháp luật về phòng, chống ma túy tiếp tục được hoàn thiện. Các lực lượng chức năng phát hiện, triệt phá nhiều đường dây mua bán, vận chuyển ma túy lớn, hoạt động liên tuyến, liên tỉnh và xuyên quốc gia; số vụ, số đối tượng bắt giữ tiếp tục tăng so với năm 2020. Công tác kiểm soát và quản lý các loại tiền chất, chất gây nghiện, chất hướng thần và ngăn chặn, triệt phá diện tích cây trồng có chứa chất ma túy đã có nhiều chuyển biến tích cực. Công tác cai nghiện, phục hồi và quản lý sau cai tiếp tục được quan tâm chỉ đạo, một số địa phương đã có nhiều sáng kiến khắc phục những khó khăn trong việc lập hồ sơ đưa người nghiện vào các cơ sở cai nghiện bắt buộc...

Một số khó khăn, hạn chế: Tình hình dịch HIV/AIDS tiếp tục diễn biến phức tạp, có xu hướng gia tăng số nhiễm mới, đặc biệt các tỉnh thành phố lớn, khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Tỷ lệ nhiễm HIV trong nhóm nghiện chích ma túy và nhóm nam quan hệ tình dục đồng giới (MSM) vẫn cao. Do ảnh hưởng của dịch Covid-19, nhân lực, tài chính bị giảm sút; cung ứng thuốc, sinh phẩm, vật phẩm bị chậm; tiếp cận dịch vụ phòng, chống HIV/AIDS khó khăn. Kết quả đấu tranh với các loại tội phạm về ma túy còn chưa tương xứng với tình hình hoạt động của tội phạm về ma túy hiện nay; công tác cai nghiện chưa có sự tham gia tích cực của gia đình và bản thân người nghiện; các hoạt động hỗ trợ người bán dâm tiếp cận các

chương trình tạo việc làm, giáo dục nghề nghiệp, hỗ trợ vốn tại cộng đồng có hiệu quả chưa cao...

Để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm năm 2022, cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm theo phương châm hướng về cơ sở, tập trung vào các khu vực, địa bàn trọng điểm, phức tạp về ma túy, mại dâm, các nhóm nguy cơ cao; tăng cường sử dụng mạng xã hội, ứng dụng công nghệ thông tin để tuyên truyền; duy trì, phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến. Các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở, các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ viễn thông, internet, mạng xã hội đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền; gửi tin nhắn, thông điệp tuyên truyền phòng, chống AIDS, ma túy, mại dâm trên hệ thống điện thoại di động. Xây dựng, đa dạng hóa các chương trình, phóng sự, phim tài liệu, bản tin... tuyên truyền; tăng cường phát sóng vào các khung giờ có nhiều người theo dõi. Tăng cường tổ chức các hoạt động truyền thông phòng, chống ma túy tập trung vào nhóm đối tượng có nguy cơ cao, học sinh, sinh viên, người lao động, già làng, trưởng bản, người có uy tín trong cộng đồng và đồng bào dân tộc thiểu số, người có chức sắc trong các vùng tôn giáo; tổ chức tuyên truyền, vận động người dân không trồng và tái trồng cây có chứa chất ma túy tại các vùng trọng điểm. Tổ chức triển khai các hoạt động nhân Tháng hành động phòng, chống ma túy, Ngày quốc tế phòng, chống ma túy, Ngày toàn dân phòng, chống ma túy; Tháng hành động quốc gia phòng, chống HIV/AIDS và Ngày Thế giới phòng, chống HIV/AIDS.

Đa dạng và mở rộng xét nghiệm HIV, đặc biệt là xét nghiệm HIV tại cộng đồng và tự xét nghiệm HIV; duy trì và nâng cao chất lượng điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone cho trên 50.000 bệnh nhân; mở rộng triển khai thí điểm cấp thuốc Methadone nhiều ngày. Mở rộng điều trị dự phòng trước phơi nhiễm với HIV bằng thuốc ARV (PrEP) cho 45.000 khách hàng các nhóm có hành vi nguy cơ cao lây nhiễm HIV, đặc biệt là nhóm MSM. Mở rộng điều trị ARV cho 170.000 bệnh nhân HIV/AIDS; tiếp tục duy trì chất lượng điều trị ở mức độ cao, tỷ lệ bệnh nhân điều trị ARV có tải lượng Virus dưới ngưỡng ức chế đạt trên 95%.

Triển khai các biện pháp đảm bảo tài chính bền vững cho công tác phòng, chống HIV/AIDS; 100% các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phê duyệt kế hoạch hoặc đề án bảo đảm tài chính thực hiện mục tiêu chấm dứt dịch AIDS và

phân bổ ngân sách địa phương hằng năm cho phòng, chống HIV/AIDS theo kế hoạch được phê duyệt; 75% bệnh nhân HIV/AIDS được điều trị ARV qua nguồn BHYT.

Về phòng, chống ma túy, tiếp tục tổ chức thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1452/QĐ-TTg, ngày 31/8/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống ma túy giai đoạn 2021 - 2025; Thông báo kết luận số 330/TB-VPCP, ngày 09/12/2021 và 349/TB-VPCP, ngày 27/12/2021 của Văn phòng Chính phủ.

Tăng cường bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ tham mưu thường trực và lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra; tiếp tục thực hiện tốt công tác thi đua khen thưởng và chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp đối với cán bộ trực tiếp thực hiện công tác phòng, chống ma túy.

Chủ động làm tốt công tác nắm, phân tích, dự báo và đánh giá tình hình. Nâng cao hiệu quả phối hợp đấu tranh giữa các lực lượng chuyên trách phòng, chống ma túy từ trung ương đến địa phương. Mở các đợt cao điểm tấn công trấn áp tội phạm về ma túy; triển khai thực hiện hiệu quả các kế hoạch, phương án đấu tranh phòng, chống ma túy trên truyền trọng điểm. Tập trung thực hiện tốt các mặt công tác nghiệp vụ cơ bản theo 05 lĩnh vực: (1) Phòng, chống sản xuất trái phép chất ma túy; (2) Phòng, chống mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; (3) Phòng, chống tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy; (4) Kiểm soát các hoạt động hợp pháp liên quan đến ma túy; (5) Quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy.

Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong phòng, chống và kiểm soát ma túy, không để tội phạm ma túy lợi dụng hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, sản xuất, kinh doanh các loại tiền chất, thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất để sản xuất, điều chế ma túy; kịp thời phát hiện, triệt phá diện tích trồng và tái trồng cây có chứa chất ma túy. Thường xuyên kiểm tra, giám sát các cơ sở kinh doanh dịch vụ có điều kiện về an ninh trật tự. Khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, dữ liệu căn cước công dân để phục vụ công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm ma túy và quản lý người nghiện, người sử dụng trái phép chất ma túy, quản lý ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

Tổ chức đào tạo, tập huấn chuyên môn về chẩn đoán xác định tình trạng nghiện ma túy ở các địa phương theo quy định mới; nghiên cứu các bài thuốc hỗ trợ cắt cơn cho người nghiện ma túy phù hợp với các loại ma túy khác nhau. Nâng cao năng lực về chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ quản lý, cán bộ trực tiếp thực hiện công tác tư vấn, điều trị, cai nghiện ma túy. Rà soát, xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp cơ sở cai nghiện ma túy đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và phương tiện theo quy định của Nghị định số 116/2021/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống ma túy, Luật Xử lý vi phạm hành chính về cai nghiện ma túy và quản lý sau cai nghiện ma túy. Nghiên cứu, xây dựng cơ chế tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia thực hiện công tác cai nghiện ma túy tại gia đình, cộng đồng. Thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1629/QĐ-TTg, ngày 28/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phòng, chống mại dâm giai đoạn 2021 - 2025.

VI. CHƯƠNG TRÌNH PHÒNG, CHỐNG COVID-19 2022 - 2023

Mục tiêu Chương trình là bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vaccine phòng Covid-19: Đến hết quý I năm 2022 hoàn thành việc tiêm mũi 02 cho người dân từ 12 tuổi đến dưới 18 tuổi, tiêm mũi 03 cho người từ 18 tuổi trở lên đến lịch tiêm chủng, trừ các đối tượng chống chỉ định tiêm; bảo đảm đủ vaccine và hoàn thành tiêm cho trẻ em từ 5 tuổi đến dưới 12 tuổi trước tháng 9/2022.

Có chiến lược giám sát, phát hiện các trường hợp nhiễm SARS-CoV-2 linh hoạt, phù hợp với tình hình dịch trong từng giai đoạn; giảm tỷ lệ tử vong do Covid-19/1 triệu dân xuống mức thấp hơn mức trung bình của châu Á. Tất cả các đối tượng dễ bị tổn thương như người cao tuổi, người có bệnh nền, người khuyết tật, phụ nữ mang thai, người không nơi nương tựa, trẻ em mồ côi, đồng bào dân tộc thiểu số, nhóm lao động di cư ở các thành thị... đều được bảo đảm tiếp cận các dịch vụ y tế.

Tăng cường năng lực, ứng dụng khoa học công nghệ trong giám sát, phân tích, dự báo tình hình dịch bệnh tại Trung ương, địa phương. Theo dõi sát diễn biến tình hình dịch bệnh trên thế giới, trong nước; thiết lập cơ sở dữ liệu dịch tễ học phục vụ cho công tác dự báo và giám sát; bảo đảm chia sẻ thông tin giám sát dịch bệnh trong nước và quốc tế. Sẵn sàng thiết lập cơ sở thu dung, điều trị Covid-19 phù hợp với tình hình dịch bệnh tại mỗi địa phương, bảo đảm đủ trang thiết bị, vật tư tiêu hao, phương tiện phòng hộ cá nhân, thuốc điều trị cho các cơ sở thu dung, điều trị Covid-19; thực hiện khám bệnh, chữa bệnh từ xa, có cơ chế cấp phát,

cung ứng thuốc phù hợp, hiệu quả bảo đảm người mắc Covid-19 được điều trị kịp thời. Tiếp cận sớm với các thuốc điều trị đặc hiệu Covid-19; đồng thời tạo mọi điều kiện thúc đẩy nhanh nhất việc sản xuất, chuyển giao công nghệ, gia công thuốc điều trị Covid-19 tại Việt Nam; bảo đảm chủ động được những loại thuốc cơ bản đáp ứng yêu cầu điều trị sớm.

Thiết lập hệ thống theo dõi sức khỏe thông qua y tế cơ sở và thầy thuốc đồng hành (hỗ trợ qua điện thoại hoặc internet...); thành lập các trạm y tế lưu động khi cần thiết để bảo đảm người dân được tiếp cận với dịch vụ y tế từ sớm, từ xa và từ cơ sở. Triển khai các hoạt động về quản lý, chăm sóc, điều trị và hỗ trợ người mắc có nguy cơ chuyển nặng ngay tại cộng đồng. Các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quản lý và điều trị người mắc Covid-19 cập nhật dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh; thực hiện theo dõi, khám và phục hồi chức năng một cách linh hoạt, khoa học, hiệu quả cho người mắc Covid-19 sau khi khỏi bệnh trong vòng 12 tháng.

Bảo đảm nguồn nhân lực và chế độ cho người làm công tác phòng, chống dịch Covid-19. Thực hiện huy động nguồn nhân lực từ các địa phương, đơn vị lân cận khi dịch bùng phát; huy động lực lượng y tế ngoài công lập tham gia công tác phòng, chống dịch. Có chính sách phân bổ nhân lực hợp lý cho y tế dự phòng và y tế cơ sở, thực hiện trách nhiệm xã hội và chế độ luân phiên có thời hạn. Bảo đảm cơ cấu hợp lý đội ngũ nhân lực là bác sĩ và điều dưỡng có đủ năng lực về hồi sức cấp cứu; nâng cao năng lực cho các lực lượng trong ngành y tế, lực lượng tại địa phương, lực lượng huy động tham gia phòng, chống dịch, đặc biệt là cán bộ vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo. Áp dụng mức phụ cấp ưu đãi nghề 100% đối với cán bộ y tế dự phòng, y tế cơ sở; nghiên cứu chế độ đặc thù, ưu đãi với các lực lượng vũ trang tham gia phòng, chống dịch.

Thành lập Quỹ phòng, chống dịch Covid-19 trên cơ sở Quỹ vaccine phòng Covid-19. Nhà nước bảo đảm nguồn tài chính chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên cơ sở huy động tổng thể nguồn lực nhà nước (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn tài trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác); các địa phương phải bố trí ít nhất 30% ngân sách y tế cho y tế dự phòng theo Nghị quyết số 18/2008/NQ-QH12, ngày 03/6/2008 của Quốc hội. Tiếp tục huy động, vận động sự tham gia đóng góp của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; sự tự nguyện chi trả của người mắc Covid-19 khi khám, điều trị theo yêu cầu.

HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI THỜI GIAN GẦN ĐÂY

I. KẾT QUẢ CHUYÊN THĂM CHÍNH THỨC VIỆT NAM CỦA BỘ TRƯỞNG NGOẠI GIAO CANADA

Nhận lời mời của Bộ trưởng Ngoại giao Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Ngoại giao Canada Mélanie Joly thăm chính thức Việt Nam từ ngày 12 - 14/4/2022.

Trong bối cảnh hai nước hướng tới kỷ niệm 05 năm thiết lập quan hệ Đối tác toàn diện (2017 - 2022) và 50 năm thiết lập quan hệ ngoại giao (1973 - 2023), chuyến thăm lần này của Bộ trưởng Ngoại giao Canada có ý nghĩa quan trọng, góp phần mở rộng quan hệ Đối tác toàn diện và tái khẳng định cam kết hợp tác của Canada với các quốc gia trong toàn khu vực.

Tại các buổi làm việc, Bộ trưởng Ngoại giao Canada cho biết Canada mong muốn thúc đẩy hơn nữa quan hệ với một số nước ở khu vực, trong đó Việt Nam là ưu tiên hàng đầu. Đồng thời, đánh giá cao và khẳng định sẽ tăng cường hợp tác với Việt Nam trong lĩnh vực ứng phó với biến đổi khí hậu và thực hiện các cam kết tại Hội nghị COP-26. Bộ trưởng Joly khẳng định Canada muốn đa dạng hóa, mở rộng quan hệ thương mại với Việt Nam, nhất trí thúc đẩy tăng cường hợp tác thương mại, đặc biệt là kết nối các doanh nghiệp, hỗ trợ Việt Nam xuất khẩu nông sản, xóa đói giảm nghèo; đề nghị Việt Nam hỗ trợ Canada thúc đẩy quan hệ Đối tác chiến lược giữa Canada và ASEAN. Về vấn đề Biển Đông, lãnh đạo hai nước nhấn mạnh tầm quan trọng của giải quyết tranh chấp bằng biện pháp hoà bình dựa trên luật pháp quốc tế và Công ước của Liên Hợp quốc về Luật Biển 1982 (UNCLOS); thực hiện đầy đủ DOC, tiến tới xây dựng COC thực chất, hiệu quả, hiệu lực; đảm bảo tự do, an toàn, an ninh hàng hải, hàng không ở Biển Đông, dựa trên lợi ích của tất cả các nước. Bên cạnh đó, hai bên nhất trí tiếp tục thúc đẩy trao đổi đoàn các cấp, sớm nối lại các cơ chế đối thoại song phương; tận dụng tối đa cơ hội từ việc triển khai Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), đề nghị Canada tiếp tục mở cửa thị trường cho hàng hóa, nông sản Việt Nam cũng như tăng cường hỗ trợ Việt Nam sớm phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội sau đại dịch Covid-19; sớm công nhận hộ chiếu vaccine của Việt Nam, tạo điều kiện cho cộng đồng người Việt Nam tại Canada ổn định cuộc sống, học tập và làm việc.

Trong những năm qua, quan hệ Đối tác toàn diện Việt Nam - Canada tiếp tục phát triển tích cực. Lãnh đạo cấp cao hai nước duy trì tiếp xúc với hình thức

linh hoạt như trao đổi thư, điện đàm và mới đây nhất là cuộc gặp giữa hai Thủ tướng bên lề Hội nghị thượng đỉnh COP-26 tại Anh. Năm 2021, kim ngạch thương mại song phương hai nước vượt 6 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020. Tháng 01/2022, Bộ Công thương Việt Nam và Bộ Thương mại quốc tế xúc tiến xuất khẩu phát triển kinh tế và doanh nghiệp nhỏ Canada đã ký Bản ghi nhớ về việc thành lập Ủy ban kinh tế hỗn hợp Việt Nam - Canada. Đảng, Chính phủ Việt Nam luôn khẳng định và nhấn mạnh sẵn sàng cùng Canada thúc đẩy quan hệ Đối tác toàn diện phát triển mạnh mẽ, hiệu quả và thực chất.

Để góp phần lan tỏa kết quả chuyến thăm chính thức Việt Nam của Bộ trưởng Ngoại giao Canada, trong thời gian tới, công tác tuyên truyền cần chú trọng một số nội dung sau:

Thứ nhất, thông tin về kết quả chuyến thăm, các hoạt động đón tiếp của lãnh đạo cấp cao của nước ta đối với Bộ trưởng Ngoại giao Canada. Thông qua đó, khẳng định Việt Nam coi trọng quan hệ song phương với Canada; khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế của Việt Nam.

Thứ hai, tuyên truyền thành tựu và triển vọng trong mối quan hệ giữa Việt Nam - Canada trên các lĩnh vực, thiết thực chào mừng các đợt kỷ niệm quan hệ giữa hai nước trong thời gian tới; khẳng định sự coi trọng quan hệ hợp tác toàn diện của Canada đối với Việt Nam. Từ đó, cho thấy uy tín, vị thế ngày càng cao của Việt Nam trên trường quốc tế.

II. CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG LIÊN HỢP QUỐC LIÊN QUAN ĐẾN TÌNH HÌNH UKRAINE VÀ CHỦ TRƯỞNG, QUAN ĐIỂM CỦA VIỆT NAM

Sau hơn 01 tháng Nga phát động chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine, tình hình xung đột vẫn tiếp tục diễn biến căng thẳng và chưa có dấu hiệu hạ nhiệt. Trước tình hình đó, Mỹ cùng nhiều nước phương Tây đã đề trình lên Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua 03 Nghị quyết liên quan tới tình hình tại Ukraine.

Ngày 02/3/2022, Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua “Nghị quyết về Hành động gây hấn của Nga đối với Ukraine” do Mỹ và nhiều nước phương Tây đề xuất, với 141 phiếu thuận, 35 phiếu trắng và 05 phiếu chống. Nghị quyết tập trung vào 04 nội dung chính: (1) Lên án Nga vi phạm luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên Hợp quốc, vi phạm chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Ukraine; (2) Kêu gọi Nga ngay lập tức chấm dứt hành động quân sự, rút quân khỏi lãnh thổ

Ukraine; (3) Đề nghị các bên bảo đảm tiếp cận nhân đạo; (4) Kêu gọi có giải pháp hòa bình thông qua đối thoại chính trị, đàm phán. *Việt Nam đã bỏ phiếu trắng đối với Nghị quyết này.*

Ngày 24/3/2022, Đại hội đồng Liên Hợp quốc thông qua “Nghị quyết về hậu quả nhân đạo do hành động xâm lược Ukraine” do EU, Pháp, Mexico giới thiệu và được 88 nước đồng bảo trợ, với 140 phiếu thuận, 05 phiếu chống, 38 phiếu trắng và 10 nước không tham gia bỏ phiếu. Nghị quyết tập trung vào các nội dung chính: (1) Lên án các cuộc tấn công nhằm vào thường dân và cơ sở quân sự; (2) Yêu cầu Nga rút quân khỏi lãnh thổ Ukraine, chấm dứt hành vi xâm lược Ukraine; (3) Bảo đảm các tiếp cận hỗ trợ nhân đạo; (4) Kêu gọi các bên tiếp tục đàm phán, tìm kiếm giải pháp hòa bình cho xung đột Nga và Ukraine. *Việt Nam tiếp tục bỏ phiếu trắng đối với Nghị quyết này.*

Ngày 07/4/2022, Đại hội đồng Liên Hợp quốc tiếp tục thông qua Nghị quyết thứ 3 về việc đình chỉ tư cách thành viên của Nga tại Hội đồng nhân quyền Liên Hợp quốc do Mỹ và 18 quốc gia giới thiệu, 58 quốc gia đồng bảo trợ, với 93 phiếu thuận, 24 phiếu chống, 58 phiếu trắng và 18 nước không tham gia bỏ phiếu. Nội dung Nghị quyết bày tỏ quan ngại sâu sắc về tình hình nhân quyền và nhân đạo tại Ukraine, quyết định đình chỉ tư cách thành viên Hội đồng nhân quyền của Nga và xem xét lại vấn đề khi phù hợp. *Việt Nam đã bỏ phiếu chống đối với Nghị quyết này.*

Tại các phiên họp của Đại hội đồng Liên Hợp quốc, Việt Nam nhiều lần khẳng định lập trường, quan điểm về vấn đề Ukraine. Trưởng Phái đoàn thường trực Việt Nam tại Liên Hợp quốc khẳng định lập trường nhất quán của Việt Nam về giải quyết các tranh chấp quốc tế bằng các biện pháp hòa bình trên cơ sở tôn trọng Hiến chương Liên Hợp quốc và luật pháp quốc tế, đặc biệt là nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của các quốc gia, không can thiệp vào công việc nội bộ, không sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế. Đồng thời, mong muốn các bên thúc đẩy đối thoại, đàm phán để tìm kiếm giải pháp hòa bình trên cơ sở luật pháp quốc tế và Hiến chương Liên Hợp quốc, có tính đến lợi ích, quan tâm của các bên liên quan. Việt Nam nhiều lần nhấn mạnh, ưu tiên cấp bách hàng đầu hiện nay là bảo vệ thường dân và cơ sở hạ tầng dân sự thiết yếu, triển khai các hoạt động nhân đạo; khẳng định sẽ ủng hộ mọi nỗ lực nhân đạo cũng như đóng góp cho các hoạt động cứu trợ nhân đạo của Liên Hợp quốc đối với Ukraine.

Lập trường, quan điểm và sự tham gia đóng góp tích cực của Việt Nam đối với các nỗ lực nhân đạo và tuyên bố đóng góp cho các hoạt động nhân đạo đã được

cộng đồng quốc tế công nhận, đánh giá cao. Một số quốc gia bày tỏ ghi nhận các nội dung phát biểu và quan điểm khách quan, cân bằng của Việt Nam. Tuy nhiên, thời gian qua, trên một số trang tin Việt ngữ của báo chí phương Tây và tài khoản mạng xã hội của các tổ chức, cá nhân thù địch, cơ hội chính trị đã lợi dụng cuộc xung đột để tuyên truyền chống phá, tán phát thông tin xấu, độc, sai sự thật và xuyên tạc chủ trương, quan điểm của Việt Nam trong vấn đề Ukraine. Trong thời gian tới, công tác tuyên truyền cần chú trọng một số nội dung sau:

Một là, thông tin, tuyên truyền lập trường, quan điểm nhất quán của Việt Nam trong các nội dung phát biểu tại Liên Hợp quốc; thực hiện nghiêm các chỉ đạo, định hướng của Ban Tuyên giáo Trung ương tại Công văn số 2517-CV/BTGTW, ngày 01/3/2022 và Công văn số 2712-CV/BTGTWW, ngày 05/4/2022.

Hai là, tuyên truyền nhằm nâng cao cảnh giác của cán bộ, đảng viên và Nhân dân trước các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị lợi dụng tình hình để chống phá, tuyên truyền xuyên tạc về lập trường, quan điểm của Việt Nam. Đồng thời, tăng cường đấu tranh, phản bác với các thông tin sai sự thật, thiếu kiểm chứng, đặc biệt là trên mạng xã hội, nhằm kích động Nhân dân, gây phương hại tới quan hệ đối ngoại của Việt Nam với các nước.

III. MỘT SỐ TÌNH HÌNH THẾ GIỚI ĐÁNG CHÚ Ý THỜI GIAN GẦN ĐÂY

- Việt Nam đạt thỏa thuận về công nhận hộ chiếu vaccine lẫn nhau với 19 quốc gia. Tính đến ngày 07/4/2022, các nước công nhận hộ chiếu vaccine Việt Nam gồm: Nhật Bản, Hoa Kỳ, Anh, Úc, Ấn Độ, Belarus, Campuchia, Philippines, Palestine, Maldives, New Zealand, Sri Lanka, Ai Cập, Thổ Nhĩ Kỳ, Singapore, Saint Lucia, Hàn Quốc, Iran và Malaysia. Ngoài ra, Việt Nam hiện đang tạm thời công nhận mẫu giấy chứng nhận tiêm vaccine của 79 quốc gia, vùng lãnh thổ. Bộ Y tế đã có thông báo chi tiết về quy trình cấp "hộ chiếu vaccine" của Việt Nam và dự kiến từ ngày 15/4/2022 sẽ tiến hành cấp hộ chiếu vaccine cho người dân. Nhiều quốc gia đã và đang áp dụng hộ chiếu vaccine như một trong những biện pháp nhằm mở cửa nền kinh tế, đưa hoạt động kinh tế, xã hội trở lại bình thường mới.

- Nhiều tổ chức quốc tế uy tín tiếp tục dự báo tích cực đối với triển vọng phục hồi và tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo, tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2022 đạt 6,5% và 6,7% vào năm 2023. Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế của Chính phủ Việt Nam sẽ

thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp đạt mức dự kiến 9,5%; sản lượng nông nghiệp dự kiến tăng 3,5% trong năm 2022. Ngoài ra, việc Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) có hiệu lực từ ngày 01/01/2022 cũng giúp thúc đẩy hoạt động thương mại hậu đại dịch Covid-19. Trong khi đó, Ngân hàng Thế giới (WB) nhận định, mức tăng trưởng của Việt Nam thấp hơn khi chỉ đạt 5,3% trong năm 2022 và sẽ ổn định lại quanh mức 6,5% theo kịch bản các biện pháp hạn chế đi lại được nới lỏng cả trong và ngoài nước. Theo các chuyên gia phân tích, Việt Nam, Indonesia và Singapore sẽ là 3 thị trường “nóng” nhất khu vực năm nay. Trong đó, Việt Nam được đánh giá là “điểm sáng trong vài năm qua” về khả năng phục hồi và tăng trưởng kinh tế. Dựa trên sự phục hồi mạnh mẽ của các hoạt động như tiêu dùng trong nước, xây dựng và du lịch quốc tế, cũng như gói kích thích tài khóa 15 tỷ USD của chính phủ, dự báo mức tăng trưởng GDP năm 2022 của Việt Nam là khoảng 7,5%.

- ***Giới chức Philippines tiếp tục đưa ra các tuyên bố và hành động khẳng định bảo vệ chủ quyền ở Biển Đông.*** Trong diễn biến mới về cuộc bầu cử tại Philippines, các ứng viên Tổng thống đã có các tuyên bố mạnh mẽ về cam kết bảo vệ chủ quyền biển, đảo ở Biển Đông, sử dụng phán quyết PCA (năm 2016) làm “đòn bẩy” đấu tranh với Trung Quốc. Các ứng viên cam kết nếu đắc cử sẽ không khoan nhượng với những hành động của nước ngoài “xâm phạm” vùng biển của Philippines và đoàn kết với các nước láng giềng, ngăn chặn tham vọng của Trung Quốc, nỗ lực xây dựng COC có tính ràng buộc. Một số nhà phân tích, chuyên gia quốc tế cho rằng, khoảng thời gian từ nay đến ngày 09/5/2022 ở Philippines được dự báo tiềm ẩn nhiều nguy cơ căng thẳng liên quan đến Biển Đông cũng như quan hệ giữa Philippines và Trung Quốc.

IV. HỆ QUẢ CỦA CÁC BIỆN PHÁP TRỪNG PHẠT ĐỐI VỚI NGA

Nhằm lên án, phản đối việc Nga tiến hành chiến dịch quân sự đặc biệt tại Ukraine, Hoa Kỳ và các nước phương Tây đã triển khai áp đặt nhiều biện pháp trừng phạt Nga với quy mô và mức độ nghiêm trọng chưa từng có.

Nga hiện là quốc gia bị nhận lệnh trừng phạt nhiều nhất thế giới. Theo thống kê của hệ thống dữ liệu lệnh trừng phạt toàn cầu Castellum.ai, tính đến ngày 08/4/2022, Nga đã nhận thêm 5.515 lệnh trừng phạt kể từ ngày 22/3/2022, nâng tổng số lệnh trừng phạt nhằm vào nước này lên tới 8.269 lệnh. Trong đó, quốc gia áp nhiều lệnh trừng phạt nhất tới Nga trong thời gian qua là Anh (890), Thụy Sĩ (868), Hoa Kỳ (838) và Liên minh châu Âu (705). Các lệnh trừng phạt Nga diễn ra

ở quy mô lớn và toàn diện từ tài chính, đầu tư thương mại, thể thao, ngoại giao cho đến việc công khai gửi viện trợ thiết bị quân sự cho Ukraine.

Đáng chú ý, các biện pháp tài chính nghiêm khắc bao gồm: (i) Xóa sổ hầu hết các ngân hàng Nga khỏi hệ thống thanh toán quốc tế (SWIFT); (ii) Đóng băng tài sản của Ngân hàng Trung ương Nga; (iii) Đóng băng tài sản của các nhà lãnh đạo Nga và các nhà tài phiệt Nga sống ở nước ngoài; (iv) Các tập đoàn đa quốc gia đóng cửa hoạt động và nhanh chóng thanh lý khoản đầu tư của họ ở Nga; (v) Các lệnh hạn chế xuất khẩu và các lệnh cấm tài trợ thương mại. Bên cạnh đó, một số quốc gia châu Âu, Mỹ cũng thông báo cấm các máy bay Nga vào không phận nước này. Ủy ban Olympic Quốc tế (IOC) khuyến cáo, các cơ quan, liên đoàn thể thao trên thế giới loại bỏ các vận động viên của Nga khỏi các sự kiện quốc tế. FIFA và UEFA quyết định gạch tên các đội tuyển Nga khỏi mọi giải thi đấu quốc tế.

Các biện pháp trừng phạt mạnh mẽ và chưa từng có đã khiến kinh tế Nga chịu nhiều tổn thất nặng nề với việc thị trường chứng khoán và giá trị đồng Rúp giảm mạnh. Các doanh nghiệp, tổ chức tài chính của Nga gặp khó khăn trong việc thanh toán. Người dân đang phải đối diện với tình trạng thiếu tiền mặt và lạm phát tăng cao, đặc biệt là đối với một số mặt hàng như thực phẩm, đồ điện tử và thiết bị gia dụng. Hàng chục nghìn du khách Nga bị mắc kẹt tại nước ngoài do các biện pháp đóng cửa hàng không. Bên cạnh đó, Mỹ và phương Tây cũng như kinh tế thế giới cũng đang phải chịu ảnh hưởng tiêu cực từ chính các lệnh trừng phạt này. Sự phục hồi kinh tế toàn cầu được dự báo sẽ tiếp tục bấp bênh, nhất là với tình hình dịch bệnh và xung đột Nga - Ukraina hiện nay. Sự chia rẽ trong quan hệ quốc tế giữa một bên là Mỹ và phương Tây với Nga - Trung Quốc được cho là đang ngày càng rõ nét. Bên cạnh đó, sự chia rẽ trong chính nội bộ châu Âu đối với việc áp dụng các biện pháp trừng phạt Nga do lo ngại có thể ảnh hưởng nghiêm trọng tới nền kinh tế của từng quốc gia thành viên.

Tuy nhiên, bất chấp hàng loạt lệnh trừng phạt nghiêm trọng chưa từng có của phương Tây, nền kinh tế Nga vẫn cho thấy nhiều tín hiệu lạc quan. Giá trị đồng Rúp đã tăng vọt và hiện đã phục hồi gần đến mức trước xung đột. Chỉ số chuẩn của chứng khoán Nga đã giảm 1/3, nhưng sau đó đã tăng trở lại. Chính phủ và hầu hết doanh nghiệp đang thực hiện thanh toán bằng trái phiếu ngoại tệ. Người dân đã bắt đầu gửi tiền trở lại.

Sự ổn định này đến từ hàng loạt chính sách ổn định thị trường của Nga. Ngân hàng Trung ương Nga đã tăng lãi suất từ 9,5% lên 20% và khuyến khích

người dân gửi tiền vào tài khoản. Các nhà xuất khẩu phải chuyển đổi 80% số tiền thu được từ ngoại hối thành đồng Ruble. Chính phủ Nga cũng áp đặt các lệnh cấm bán không, đồng thời cấm những người không cư trú bán cổ phiếu, ít nhất là đến ngày 01/4/2022. Chỉ số giá tiêu dùng hàng tuần tại Nga đã tăng hơn 5% chỉ tính riêng từ đầu tháng Ba. Bất chấp các lệnh trừng phạt chưa từng có, Nga vẫn bán tới 10 tỷ USD tiền dầu khí mỗi tháng cho các khách hàng nước ngoài, tương đương với 1/4 xuất khẩu dầu mỏ trước xung đột Nga - Ukraine nổ ra. Doanh thu này từ ngành năng lượng vẫn không ngừng tiếp sức cho nền kinh tế xứ bạch dương. Đây là nguồn ngoại tệ có giá trị, giúp Nga mua một số hàng hóa từ các nước trung lập hoặc thân thiện. Mặc dù vậy, nhiều nhà nghiên cứu cho rằng kinh tế Nga vẫn sẽ đối mặt với suy thoái. Tuy nhiên, mức độ sẽ phụ thuộc vào ba yếu tố chính: *Thứ nhất*, tâm lý tiêu dùng của người dân; *Thứ hai*, mức độ thích ứng của doanh nghiệp trong nước đối với tình trạng cô lập kinh tế; *Thứ ba*, triển vọng xuất khẩu nhiên liệu hóa thạch của Nga.

V. HỢP TÁC QUỐC TẾ ĐỂ THÚC ĐẨY QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI NĂNG LƯỢNG TOÀN CẦU

Năng lượng tái tạo, hay còn được gọi là năng lượng sạch, được tạo ra từ các nguồn thiên nhiên hoặc các quy trình tự nhiên hình thành liên tục, có thể coi là vô hạn (như ánh sáng mặt trời, gió, mưa, sóng biển, thủy triều...). Các nguồn năng lượng tái tạo đang thay thế các nguồn năng lượng dựa trên nhiên liệu hóa thạch truyền thống (như than, dầu, khí tự nhiên).

Những nghiên cứu về các nguồn năng lượng tái tạo bắt đầu từ cuối những năm 90 khi thế giới nhận được “cú sốc” từ việc giá dầu tăng cao. Năng lượng tái tạo hiện là nguồn cung cấp điện lớn thứ hai cho thế giới, chiếm tỷ lệ 26%, sau than đá nhưng trên khí đốt tự nhiên và hạt nhân. Trong tương lai, tiềm năng và xu hướng phát triển của năng lượng tái tạo sẽ trở thành xu hướng chủ đạo và được sự quan tâm của tất cả các quốc gia trên thế giới.

Khi ảnh hưởng địa chính trị của dầu mỏ và khí đốt vẫn gây biến động lớn trên toàn cầu, việc đầu tư phát triển cho năng lượng tái tạo đang được xem là giải pháp và xu hướng tất yếu của nhiều quốc gia trên thế giới. Năm 2020 đã đánh dấu thập kỷ của năng lượng tái tạo. Bất chấp đại dịch Covid-19, trong năm 2020, sản lượng năng lượng từ các nguồn tái tạo đã tăng thêm 260 GW và đạt mức tăng trưởng 50%. Hơn 80% tổng công suất điện đưa vào sử dụng trong năm 2021 là từ các nguồn năng lượng tái tạo, trong đó năng lượng Mặt trời và điện gió chiếm 91%.

Trung Quốc và Mỹ là hai thị trường ghi nhận sự tăng trưởng vượt bậc từ năm 2020. Trung Quốc là thị trường lớn nhất thế giới về năng lượng tái tạo và tăng thêm 136 GW vào năm 2021, trong đó, 72 GW đến từ năng lượng gió và 49 GW là năng lượng Mặt trời. Châu Phi tiếp tục mở rộng ổn định với mức tăng 2,6 GW, trong khi châu Đại Dương là khu vực tăng trưởng nhanh nhất (18,4%).

Theo nghiên cứu của cơ quan năng lượng quốc tế (IEA), đến năm 2025, năng lượng tái tạo sẽ trở thành nguồn sản xuất điện chính, cung cấp một phần ba lượng điện trên thế giới, ước tính, công suất điện gió và quang điện sẽ vượt công suất của khí đốt vào năm 2023 và than đá vào năm 2024.

Theo giới chuyên gia, nguồn cung năng lượng tái tạo toàn cầu sẽ tăng 35 gigawatt năm 2022, nhưng nhu cầu điện toàn cầu sẽ tăng 100 gigawatt trong thời gian này. Theo IEA, lượng điện tạo ra từ năng lượng tái tạo sẽ tăng hơn 6% vào năm 2022. Tuy nhiên, cơ quan này cũng cho biết, bất chấp những sự gia tăng nhanh chóng này, năng lượng tái tạo dự kiến chỉ có thể đáp ứng khoảng 50% mức tăng trưởng dự kiến về nhu cầu toàn cầu vào năm 2022.

Mặc dù các nguồn năng lượng tái tạo không có lượng phát thải ròng, điều này sẽ giúp hạn chế phát thải khí nhà kính toàn cầu trong tương lai. Tuy nhiên, chi phí, giá cả, môi trường chính trị và các điều kiện thị trường cũng trở thành những rào cản ngăn các nước đang phát triển, kém phát triển và sử dụng hết tiềm năng của mình. Bên cạnh đó, còn có những thách thức có xu hướng cản trở các nguồn năng lượng tái tạo như thất bại của thị trường, thiếu thông tin. Hơn nữa để đáp ứng nhu cầu năng lượng toàn cầu, các khoản đầu tư vào năng lượng sạch sẽ cần tăng từ 1.100 tỷ USD trong năm nay lên 3.400 tỷ USD/năm cho đến năm 2030.

Quá trình chuyển giao và phát triển công nghệ năng lượng tái tạo cần được thể chế hóa thông qua trao đổi, hợp tác và kết nối quốc tế. Dưới khẩu hiệu "Từ tham vọng tới hành động", các bộ trưởng và phái đoàn cấp cao từ hơn 50 nước trên thế giới đã tham dự Diễn đàn Đối thoại Chuyển đổi năng lượng Berlin lần thứ 8 tại thủ đô Berlin của CHLB Đức trong 02 ngày 29 - 30/3/2022. Tại diễn đàn, các đại biểu đã chia sẻ quan điểm và cam kết về việc sử dụng năng lượng hiệu quả và thúc đẩy năng lượng tái tạo để có thể góp phần vào một thế giới ổn định về chính trị, thịnh vượng về kinh tế. Bên cạnh đó, các đại biểu cũng cam kết về những ưu tiên đầu tư chiến lược, đặc biệt trong lĩnh vực năng lượng tái tạo, trong quá trình chuyển đổi năng lượng nhằm không chỉ giúp bảo vệ khí hậu mà còn góp phần vào củng cố an ninh.

Đoàn Việt Nam do Thứ trưởng Bộ Công Thương Đặng Hoàng An dẫn đầu tham dự các sự kiện trong khuôn khổ diễn đàn. Tại diễn đàn, Thứ trưởng Đặng Hoàng An đã cung cấp bức tranh tổng thể về cơ chế chính sách và những ưu đãi của Việt Nam trong lĩnh vực năng lượng tái tạo. Tập đoàn Giải pháp Xanh (The Green Resolutions Group) của Việt Nam đã ký thỏa thuận hợp tác trong lĩnh vực năng lượng tái tạo với tập đoàn Giải pháp công nghiệp Thyssenkrupp (tkIS) và Thyssenkrupp nucera AG & Co. KGaA của Đức nhằm phát triển các dự án hydro xanh và ammoniac ở Việt Nam.

Theo các chuyên gia, năng lượng tái tạo cung cấp nguồn cung năng lượng độc lập, ổn định, thân thiện với môi trường và tiện lợi đối với các khu vực và toàn cầu. Các nguồn năng lượng tái tạo là năng lượng hòa bình, có thể tạo nguồn cung một cách đáng tin cậy và không bị tác động bởi những căng thẳng quốc tế. Những cam kết tại Đối thoại Chuyển đổi năng lượng Berlin đã cho thấy sự quan tâm lớn của các quốc gia nhằm hướng tới thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng toàn cầu mạnh mẽ trong thời gian tới.

VĂN BẢN MỚI

1. Tháng 5/2022 có các sự kiện lịch sử quan trọng: 47 năm Ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2022); 68 năm Ngày Chiến thắng Điện Biên Phủ (07/5/1954 - 07/5/2022); 132 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2022); 120 năm ngày sinh đồng chí Phan Đăng Lưu – lãnh đạo tiền bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam (05/5/1902-05/5/2022); 152 năm Ngày sinh V.I.Lênin (22/4/1870 - 22/4/2022); 204 năm Ngày sinh C.Mác (05/5/1818 - 05/5/2022), các chi bộ sinh hoạt theo nội dung tuyên truyền đã nêu trong Hướng dẫn số 30-HD/BTGTW, ngày 22/11/2021 tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn và sự kiện lịch sử quan trọng trong năm 2022. Liên quan đến việc thời gian qua, xuất hiện một số ấn phẩm, thông tin bình luận thiếu chính xác về việc ai là người soạn thảo lời Tuyên bố đầu hàng cho Tổng thống ngụy quyền Sài Gòn Dương Văn Minh trưa ngày 30/4/1975, đề nghị thực hiện theo định hướng chỉ đạo tại công văn 2568-CV/BTGTW, ngày 28/3/2022 của Ban Tuyên giáo Trung ương.

2. Quyết định số 387/QĐ-TTg, ngày 25/3/2022 phê duyệt Chương trình “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị

giai đoạn 2021 - 2030”. Mục tiêu cụ thể của Chương trình đến năm 2025 là 70% gia đình được công nhận đạt danh hiệu “Gia đình học tập”, 65% dòng họ được công nhận đạt danh hiệu “Dòng họ học tập”; 65% cộng đồng (thôn bản, tổ dân phố và tương đương) được công nhận đạt danh hiệu “Cộng đồng học tập”; 80% các tổ chức, cơ quan, trường học, doanh nghiệp, cơ sở sản xuất trên địa bàn cấp xã được công nhận đạt danh hiệu “Đơn vị học tập”. Bên cạnh đó, 40% người lao động trong “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, 60% cán bộ, công chức, nhân viên trong “Đơn vị học tập” trên địa bàn cấp xã đạt danh hiệu “Công dân học tập”.

Tổ chức nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện và ban hành theo thẩm quyền các bộ tiêu chí đánh giá các mô hình gia đình học tập, dòng họ học tập, cộng đồng học tập, đơn vị học tập phù hợp với các phương thức học tập suốt đời trong điều kiện chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo. Xây dựng kế hoạch thực hiện mục tiêu Chương trình, triển khai các bộ tiêu chí trong các tổ chức Khuyến học và trên các địa bàn dân cư trong cả nước. Tổ chức tập huấn về nội dung, phương pháp triển khai các bộ tiêu chí mô hình học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ, cộng đồng, đơn vị.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức các hoạt động học tập suốt đời. Nghiên cứu, xây dựng phần mềm nhằm số hóa và triển khai thực hiện trên nền tảng công nghệ số việc thu thập minh chứng, cho điểm, đánh giá, tổng hợp, báo cáo... việc thực hiện các bộ tiêu chí xây dựng các mô hình “Gia đình học tập”, “Dòng họ học tập”, “Cộng đồng học tập”, “Đơn vị học tập” theo các mục tiêu của Chương trình. Xây dựng trang thông tin điện tử trên cơ sở kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu về tài nguyên thông tin thư viện, Hệ tri thức Việt số hóa và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác... giúp tuyên truyền, phổ biến, tập huấn nâng cao hiểu biết cho cán bộ hội, hội viên khuyến học và người dân về các nhiệm vụ khuyến học, khuyến tài, xây dựng các mô hình học tập. Nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm học tập cộng đồng.

3. Quyết định số 08/2022/QĐ-TTg, ngày 28/3/2022 quy định về việc thực hiện chính sách hỗ trợ tiền thuê nhà cho người lao động. Theo đó, hai đối tượng sẽ được nhận hỗ trợ là người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp và người lao động quay trở lại thị trường lao động, với mức 500.000 đồng/người/tháng và 1.000.000 đồng/người/tháng. Hỗ trợ người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp. Cụ thể, Quyết định quy định người lao động đang làm việc trong doanh

ng nghiệp tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau:

1- Ở thuê, ở trọ trong khoảng thời gian từ ngày 01/02/2022 đến ngày 30/6/2022. 2- Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng trở lên được giao kết và bắt đầu thực hiện trước ngày 01/4/2022. 3- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng liền kề trước thời điểm doanh nghiệp lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà. Trường hợp người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP, ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc thì phải có tên trong danh sách trả lương của doanh nghiệp của tháng liền kề trước thời điểm doanh nghiệp lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà. Người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp đáp ứng đủ các điều kiện trên thì được nhà nước hỗ trợ 500.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ tối đa 3 tháng. Phương thức chi trả hằng tháng.

Hỗ trợ người lao động quay trở lại thị trường lao động. Quyết định quy định người lao động đang làm việc trong doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh tại khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu vực kinh tế trọng điểm được hỗ trợ khi có đủ các điều kiện sau: 1- Ở thuê, ở trọ trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022. 2- Có hợp đồng lao động không xác định thời hạn hoặc hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 01 tháng trở lên được giao kết và thực hiện trong khoảng thời gian từ ngày 01/4/2022 đến ngày 30/6/2022, trừ hợp đồng lao động giao kết tiếp nối của hợp đồng lao động đã giao kết và thực hiện trước đó. 3- Đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc (có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội) tại tháng liền kề trước thời điểm người sử dụng lao động lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà. Trường hợp người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 115/2015/NĐ-CP, ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội bắt buộc, người lao động mới tuyển dụng và có giao kết hợp đồng lao động nhưng chưa có tên trong danh sách tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của cơ quan bảo hiểm xã hội thì phải có tên trong danh sách trả lương của người sử dụng lao động của tháng liền kề trước thời điểm

người sử dụng lao động lập danh sách lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà. Mức hỗ trợ áp dụng cho đối tượng này là 1.000.000 đồng/người/tháng. Thời gian hỗ trợ tối đa 3 tháng. Phương thức chi trả hằng tháng.

Quyết định nêu rõ hồ sơ đề nghị hỗ trợ gồm: Danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ tiền thuê nhà có xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội. Trường hợp trong danh sách có người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, người lao động mới được tuyển dụng thì bổ sung thêm bản sao danh sách trả lương của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị.

Về trình tự, thủ tục, thời gian thực hiện chủ yếu tại doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh, thời gian từ lúc Ủy ban nhân dân cấp huyện tiếp nhận hồ sơ đến khi Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định hỗ trợ và chi trả cho người lao động là 04 ngày, cụ thể như sau: Người sử dụng lao động tổng hợp danh sách người lao động đề nghị hỗ trợ trên cơ sở đơn đề nghị của người lao động, niêm yết công khai tại nơi làm việc ít nhất 03 ngày làm việc. Người sử dụng lao động chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực thông tin của người lao động. Sau đó, người sử dụng lao động gửi cơ quan bảo hiểm xã hội để xác nhận người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội (thời gian xử lý của cơ quan bảo hiểm xã hội là 02 ngày). Người sử dụng lao động nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ đến Ủy ban nhân dân cấp huyện để thẩm định trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách, kinh phí hỗ trợ và chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ (thời gian xử lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện là 02 ngày, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 02 ngày). Người sử dụng lao động chi trả cho người lao động trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kinh phí hỗ trợ./.